

SỰ CẦN THIẾT CỦA TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE TRONG CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA NHÂN DÂN

*BS. Đặng Thanh Hùng, CN. Ngô Gia Tường
Trung tâm Truyền thông GDSK Trà Vinh*

Tóm tắt nghiên cứu:

Truyền thông GDSK là công tác trong hệ thống y tế nhưng người dân chưa biết nhiều về lĩnh vực này, mặc dù nó có những đóng góp không nhỏ trong công tác phòng bệnh. Vì vậy, chúng ta cần khẳng định tầm quan trọng của truyền thông GDSK cũng như đưa nó đến với người dân, giúp cho người dân hiểu rõ hơn về công tác này.

Mục tiêu nghiên cứu: Đưa công tác truyền thông tiếp cận với cộng đồng tốt hơn thông qua các kênh truyền thông, tìm và khắc phục những yếu kém tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả.

Phương pháp: phương pháp mô tả và điều tra xã hội học để thu thập thông tin và phân tích đánh giá.

Dự kiến kết quả: Xây dựng được mối liên hệ mật thiết giữa công tác TTGDSK và các ban ngành đoàn thể nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại cộng đồng.

1. Đặt vấn đề

Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng các chính sách và chiến lược phát triển con người, chăm sóc sức khỏe (CSSK) để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, thoải mái về tinh thần, lối sống lành mạnh, không có bệnh tật... Tại Nghị quyết Trung ương Đảng khóa IV của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng có nêu: “Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội, là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đầu tư cho sức khỏe chính là đầu tư cho phát triển kinh tế, xã hội. Phần đầu để mọi người đều được quan tâm chăm sóc sức khỏe.”

Trong những năm vừa qua, hệ truyền thông giáo dục sức khỏe (TTGDSK) đã đóng góp một phần không nhỏ vào những thành tích của các mục tiêu chương trình, chiến lược CSSK nhân dân bằng việc nâng cao nhận thức, cung cấp kỹ năng và thực hành có lợi cho sức khỏe cá nhân và cho cộng đồng, phổ biến sâu rộng những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của ngành Y tế tới người dân được kịp thời, góp phần ổn định đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, trật tự an ninh và quốc phòng. Công tác TTGDSK cũng đã khẳng định được vai trò quan trọng của mình. Đảng, Nhà nước và ngành Y tế đã luôn coi trọng, nhấn mạnh công tác TTGDSK là một cấu phần không thể thiếu được trong sự nghiệp CSSK nhân dân.

Trà Vinh có hơn 1 triệu dân, có ba dân tộc cùng chung sống (Kinh, Khmer, Hoa) trong đó dân tộc Khmer chiếm trên 30% dân số, là địa phương có tỉ lệ hộ nghèo cao so với các tỉnh khác trong cả nước và cũng là địa phương chậm phát triển hơn so với các tỉnh còn

lại của miền Tây Nam Bộ. Với những hạn chế đó đã tạo không ít những khó khăn trong phát triển kinh tế của tỉnh mà đặc biệt công tác CSSK cho người dân. Người dân chưa được tiếp cận cũng như chưa được cung cấp những kỹ năng, kiến thức để biết cách tự bảo vệ bản thân và cộng đồng; mà nguyên nhân gốc rễ của vấn đề này là chưa có được sự phối hợp đồng bộ của các ban ngành đoàn thể, của cá nhân, gia đình và toàn xã hội.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung:

Nắm lại tình hình, hiệu quả của hoạt động TTGDSK tại cộng đồng nhằm tìm và phát huy yếu tố tích cực, củng cố mạng lưới truyền thông tuyến cơ sở về công tác truyền thông trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, tìm ra giải pháp khắc phục những khó khăn, yếu kém tồn tại để thực hiện tốt hơn trong công tác bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Mục tiêu cụ thể:

1. Khẳng định được tính tích cực, vai trò nòng cốt của TTGDSK trong công tác tuyên truyền phòng chống bệnh tật tại cộng đồng.
2. Phát huy được hiệu quả tích cực của TTGDSK trong công tác phòng bệnh.
3. Kết hợp công tác truyền thông với hoạt động các ban ngành, đoàn thể tại địa phương trong công tác bảo vệ sức khỏe người dân.
4. Nâng cao sự tiếp cận của người dân với công tác TTGDSK trong cộng đồng thông qua các hình thức truyền thông và hiệu quả của việc phối hợp với các ban ngành trong công tác tuyên truyền. Nâng cao hiểu biết của người dân về ý thức phòng bệnh.
5. Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa truyền thông và các ban ngành đoàn thể.

3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu:

Dùng phương pháp mô tả cắt ngang và điều tra xã hội học (Phòng vấn bằng bộ câu hỏi và thảo luận nhóm đối với cán bộ thực hiện công tác truyền thông tại địa điểm nghiên cứu) để thu thập thông tin cơ bản về phương pháp, công tác truyền thông của CBYT phụ trách mảng TTGDSK; hoạt động của cộng tác viên nhóm, ấp và những thông tin về kiến thức phòng bệnh cũng như ý thức bảo vệ sức khỏe của người dân. Tổng hợp đánh giá hiệu quả và tìm phương hướng, giải pháp để đề xuất khắc phục những khó khăn, yếu kém đang tồn tại.

Phối hợp công tác TTGDSK cùng các ban ngành đoàn thể tạo nên sự thông suốt của công tác TTGDSK từ tỉnh đến cơ sở và công tác truyền thông với các ban ngành, đoàn thể các cấp.

3.2. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Cán bộ truyền thông tuyến huyện (1); Cán bộ phụ trách truyền thông tuyến xã và cộng tác viên nhóm/ấp (2); Người dân tại các xã được chọn để điều tra (3).

Cỡ mẫu được tính theo công thức: $n = \frac{Z \times P(1-P)}{C^2} K$

$Z = 1.96$ (khoảng tin cậy 95%), $p = 60\%$ là ước đoán tham số quần thể, $C = 0,05$ là sai số cho phép, $K = 2$ là hệ số thiết kế.

Ta có: $n = \frac{3.8416 \times 0.24}{0,0025} \times 2 \approx 738$ làm tròn lấy $n = 740$

Chọn mẫu ở 10 xã/thị trấn thuộc huyện Châu Thành: thị trấn Châu Thành, Đa Lộc, Thanh Mỹ, Mỹ Chánh, Nguyệt Hóa, Lương Hòa A, Hòa Thuận, Phước Hảo, Long Hòa, Hòa Minh. Tiêu chí xã chọn mẫu: thuộc vùng kinh tế phát triển, thuộc vùng sâu vùng xa, đồng bào dân tộc. Mỗi xã chọn 74 người dân độ tuổi từ 20 – 50 tuổi và tất cả CBYT và cộng tác viên.

3.3. Kỹ thuật thu thập thông tin: Sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn trực tiếp người dân và thảo luận nhóm với CBYT và cộng tác viên nhóm/ấp

3.4. Phương pháp xử lý số liệu: Theo phương pháp thống kê đơn giản.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thấy được tính cấp thiết của vấn đề, sự cần thiết, vai trò công tác truyền thông

TTGDSK có liên quan mật thiết với tất cả các nội dung của các chương trình y tế. Chính TTGDSK đã tạo ra điều kiện thuận lợi cho các bước chuẩn bị, thực hiện và củng cố các kết quả của các mặt công tác CSSK ban đầu. Do đó TTGDSK cần phải được thực hiện trước, trong và sau khi triển khai mọi kế hoạch, chương trình y tế. Mặc dù không thể thay thế được các dịch vụ y tế khác nhưng TTGDSK bao giờ cũng góp phần thúc đẩy hoạt động của các dịch vụ y tế đó đạt kết quả vững bền hơn.

So với các giải pháp dịch vụ y tế khác, TTGDSK là một công tác khó làm và khó đánh giá, nhưng nếu làm tốt thì sẽ mang lại hiệu quả cao nhất với chi phí ít nhất, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở, nơi cần được áp dụng các kỹ thuật thích hợp chứ không phải là các kỹ thuật hiện đại đắt tiền.

Trước những diễn biến phức tạp của sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường là nguy cơ tiềm ẩn rất nhiều bệnh dịch ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân. Bên cạnh đó, chúng ta đang phải đối đầu với một số dịch bệnh nguy hiểm và có nguy cơ bùng phát thành dịch lớn như dịch cúm A ở người; bệnh tay chân miệng, dịch tiêu chảy cấp nguy hiểm, dịch sốt xuất huyết, viêm não... Trước thực trạng đó, ngành Y tế cùng các ban ngành đoàn thể luôn nêu cao cảnh giác, quyết tâm phòng và ngăn chặn, khống chế dịch bệnh không để lan rộng ra cộng đồng, trong đó công tác TTGDSK giữ một vai trò quan trọng, tiên phong trong công tác phòng và ngăn ngừa dịch, nâng cao hiểu biết, nhận thức cho nhân dân.

Công tác TTGDSK góp phần tích cực trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cộng đồng, góp phần tích cực trong việc ngăn ngừa dịch bệnh. Các hoạt

động truyền thông nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các cấp, các ngành, cộng đồng và các tổ chức xã hội.

4.2. Người dân sẽ có được những kiến thức cơ bản cũng như làm quen, tiếp cận với các hình thức truyền thông

Bên cạnh các phương pháp truyền thông đại chúng thì truyền thông trực tiếp sẽ thuận lợi hơn và có hiệu quả hơn do chúng ta tận dụng được lợi thế theo đặc trưng của từng vùng, để xây dựng nội dung truyền thông bám sát với hoàn cảnh thực tế của địa phương. Đội ngũ cộng tác viên là người am hiểu sâu sắc về địa bàn mà mình hoạt động, nắm được những thiếu sót cũng như những vấn nạn đang tồn tại, từ đó họ có cách tiếp cận, tìm hướng khắc phục.

Người dân tiếp cận được với các nguồn thông tin truyền thông về phòng chống bệnh tật, có được nhiều kiến thức về TTGDSK.

Công tác TTGDSK trở nên đại chúng, gần gũi và là người bạn, là kênh thông tin đáng tin cậy trong công tác bảo vệ sức khỏe của cộng đồng. Người dân tiếp cận và nắm bắt được các hình thức và phương tiện truyền thông tại cộng đồng.

4.3. Cộng tác viên, cán bộ truyền thông phát huy được kỹ năng trong công tác TTGDSK

Cộng tác viên và cán bộ làm công tác truyền thông nắm được và hiểu rõ phương thức truyền thông, nhiệm vụ mà mình đang đảm nhiệm.

Đây là vấn đề then chốt nhằm tạo tiền đề, tranh thủ sự ủng hộ và tham gia của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể và nhân dân trong quá trình thực hiện công tác truyền thông, đồng thời bảo đảm tính bền vững.

Các địa phương phối hợp và vận động toàn xã hội cùng tham gia các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; để các chương trình y tế đạt được mục tiêu đề ra mang tính thiết thực và bền vững .

Phối hợp với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án để phát huy hiệu quả về nguồn lực vật chất và kỹ thuật, thúc đẩy hệ thống TTGDSK phát triển và có điều kiện để thực hiện truyền thông cho cộng đồng.

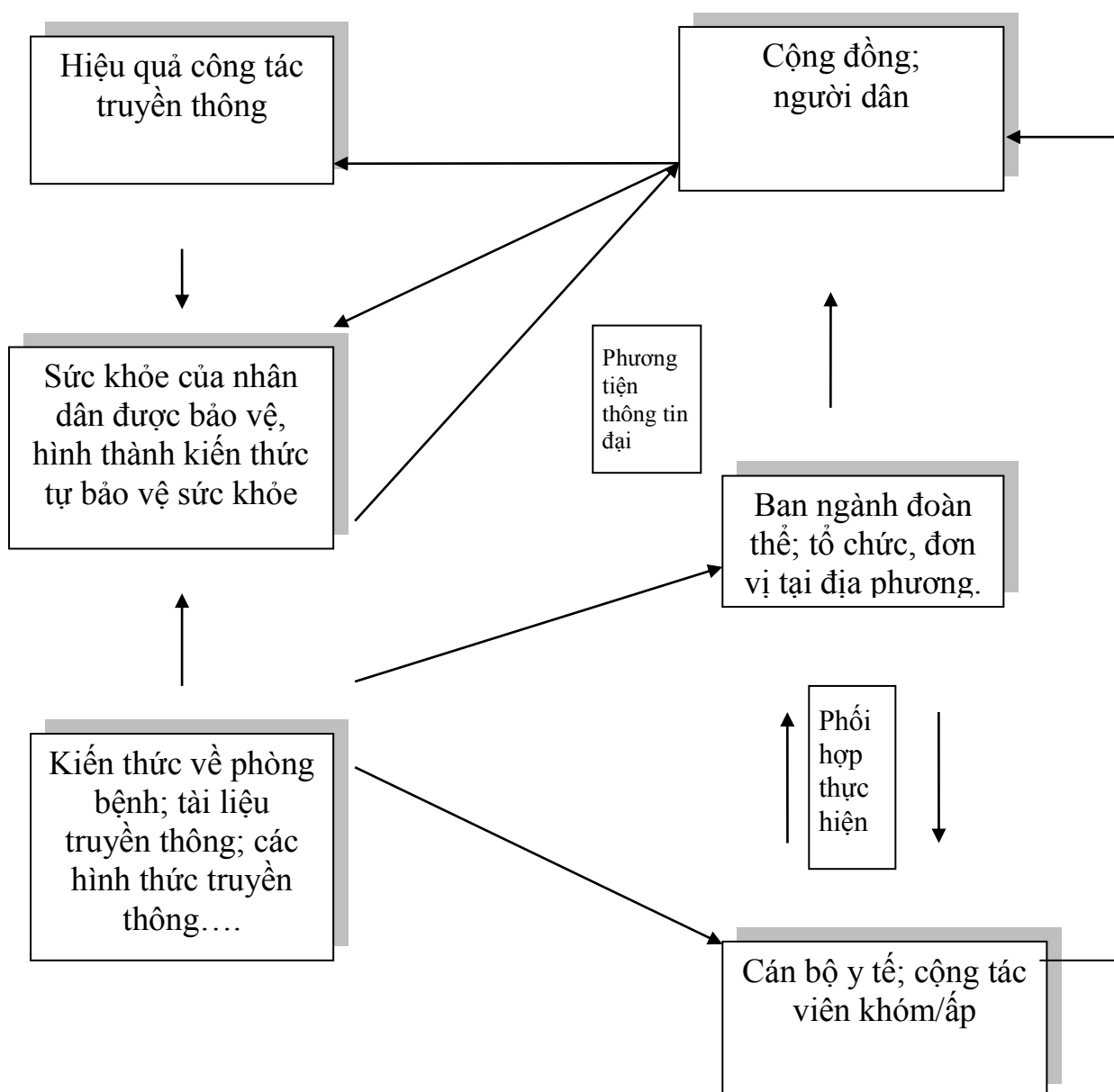
4.4. Thiết lập được mối quan hệ giữa TTGDSK và các ban ngành đoàn thể

Các hoạt động TTGDSK, vận động được đẩy mạnh với nhiều hình thức. TTGDSK chủ động kết hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành Y tế, các đoàn thể, tổ chức xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương tuyên truyền các hoạt động y tế, các phong trào thi đua, các gương người tốt, việc tốt, các đơn vị điển hình tiên tiến trong ngành Y tế, phong trào xây dựng làng văn hóa sức khỏe, Chuẩn quốc gia về Y tế xã, những thông tin y học phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm được đăng tải thường xuyên. Tạo thành tiếng nói chung và sâu rộng trong toàn thể cộng đồng trong nhiệm vụ cao cả là chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa ngành Y tế và các ban ngành đoàn thể. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận với những thông tin cần thiết về tình hình dịch bệnh cũng như tiếp cận với những kiến thức về phòng bệnh.

Tạo được niềm tin của người dân vào hoạt động TTGDSK, khẳng định được vị trí và tầm quan trọng trong công tác truyền thông bảo vệ sức khỏe trong cộng đồng trước diễn biến phức tạp của bệnh tật, chuyển đổi mô hình bệnh tật với sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm, nhiều bệnh dịch mới phát sinh.

SƠ ĐỒ TRUYỀN THÔNG



4.5. Xây dựng mô hình truyền thông mẫu:

Trong xã hội, với mức sống ngày càng cao, vật giá leo thang, thì tình hình sức khỏe của người dân sẽ rất dễ bị đe dọa, do chạy theo lợi nhuận, người ta sẽ không từ phương thức sản xuất nào dù biết là sẽ tổn hại đến sức khỏe của cộng đồng.

Thông qua mô hình truyền thông chúng ta tiến hành xây dựng và thử nghiệm hoạt động công tác truyền thông tại một xã điểm, để từ đó đánh giá, rút kinh nghiệm về những ưu, khuyết điểm của công tác truyền thông.

Hoàn thiện công tác truyền thông tuyến cơ sở, tạo ra hành lang thông suốt hệ thống truyền thông đến tận cơ sở, giúp công tác ngày một hiệu quả hơn trong nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Nếu một xã hội mà hầu hết mọi người đều có được những kiến thức, ý thức bảo vệ sức khỏe tính mạng bản thân, gia đình thì tất yếu xã hội sẽ tiến tới mục tiêu an toàn, lành mạnh.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tổng kết công tác TTGDSK năm 2010 và triển khai công tác năm 2011.
2. Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức Trung ương (2010), Dự thảo báo kết quả đánh giá kết quả hoạt động TTGDSK đến năm 2010.
3. Tổ chức Y tế thế giới (2006), Giáo dục sức khỏe –Giơnevơ, Hà Nội
4. Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học, 2007